

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301002 - K to n t ấ ch nh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3642010312	36KT2	ấ inh Th An	24/04/1993	6.0					6.0					6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
2	3642012098	36KT2	Tr nh ấ nh C ng	09/03/1990	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3642010349	36KT2	B ỉ i Th Di m	28/08/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3642012118	36KT2	Lê Thanh Duy	25/07/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	3642012059	36KT2	V ¹ / ₂ Hu nh Thanh Duy	12/02/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3642010480	36KT2	H H ng H nh	30/03/1994	9.0					8.0					8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
7	3642012082	36KT2	ấ ồ Th Thanh H ng	04/09/1994	5.0					7.0					6.3	3.2	5.0	2.5	5.7	
8	3642010526	36KT2	Ph m Th Ng c Hân	22/03/1994	9.0					9.0					9.0	4.5	9.0	4.5	9.0	
9	3642010396	36KT2	Hu nh C ầ ng H u	27/09/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3642012086	36KT2	Nguy n ấ c Hi n	19/12/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	6.0	3.0	7.0	
11	3642010505	36KT2	Tr n Th Hi n	09/04/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	3642012057	36KT2	Hu nh V ấ Hi u	05/08/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	3642010532	36KT2	Tr n Kim Hoa	29/03/1994	6.0					5.0					5.3	2.7	4.0	2.0	4.7	
14	3642010508	36KT2	Tr n Th Hoài	03/06/1994	5.0					4.0					4.3	2.2	1.0	0.5	2.7	
15	3642010407	36KT2	Nguy n B ồ o Hoàng	17/03/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	3642010459	36KT2	Nguy n Th M Hòi	17/07/1991	6.0					3.0					4.0	2.0	0.0	0.0	2.0	
17	3642010401	36KT2	Nguy n Th H i	10/12/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	5.0	2.5	6.3	
18	3642012012	36KT2	Nguy n V ¹ / ₂ Thu H ng	07/11/1994	7.0					7.0					7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
19	3642010469	36KT2	B ỉ i Th Hu	15/03/1994	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
20	3642012079	36KT2	Tr ng Nguy n Kim Hù ng	01/10/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122164301002 - K to n t ấ ch nh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3642012106	36KT2	Ng» Th Minh Kì u	11/11/1993	9.0					7.0					7.7	3.9	6.0	3.0	6.8	
22	3642012088	36KT2	Nguy n Th H ng Liê n	09/04/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	7.0	3.5	7.5	
23	3642012078	36KT2	V ¹ / ₂ Th Li u	02/02/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
24	3642012102	36KT2	Nguy n Ho ồ ng Linh	29/10/1993	7.0					4.0					5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
25	3642011991	36KT2	VH ồ Th Ho ồ Linh	08/10/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	9.0	4.5	8.5	
26	3642012090	36KT2	Ch ^a u Ng c Loan	29/08/1993	7.0					6.0					6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
27	3642012081	36KT2	H ồ M Loan	26/08/1992	7.0					8.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
28	3642012097	36KT2	B ắ i Th Ng c Ly	11/04/1994	5.0					3.0					3.7	1.9	5.0	2.5	4.3	
29	3642012049	36KT2	Ph m Th Mai	14/02/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	3642010403	36KT2	VH ồ Th Mai	21/11/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	6.0	3.0	6.8	
31	3642010451	36KT2	Nguy n Tr ng Ngh ấ	15/08/1992	5.0					4.0					4.3	2.2	0.0	0.0	2.2	
32	3642011996	36KT2	Nguy n Th Thu Ngoan	02/03/1994	4.0					2.0					2.7	1.4	4.0	2.0	3.3	
33	3642010438	36KT2	Ngô Kim Ng c	15/01/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	3642010525	36KT2	Nguy n Th Nh Ng c	13/12/1993	4.0					2.0					2.7	1.4	0.0	0.0	1.3	
35	3642010466	36KT2	Tr n Ho ồ ng B o Ng c	08/12/1994	6.0					5.0					5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
36	3642010408	36KT2	Nguy n Th Thu Nguyên	29/03/1994	3.0					2.0					2.3	1.2	0.0	0.0	1.2	
37	3642010411	36KT2	Phan Th Nguyên	19/07/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	6.0	3.0	6.8	
38	3642012103	36KT2	ấ nh Th Thu Nguy t	31/03/1993	4.0					6.0					5.3	2.7	6.0	3.0	5.7	
39	3642012072	36KT2	L ² Th H ng Nhanh	01/01/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	7.0	3.5	7.5	
40	3642010464	36KT2	Nguy n Th Thanh Nhàn	07/03/1994	9.0					9.0					9.0	4.5	9.0	4.5	9.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301002 - K to n t@ch nh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3642012094	36KT2	L Y n Nhi	06/05/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	3642012002	36KT2	Trang Th Y n Nhi	09/04/1994	5.0					7.0					6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
43	3642012043	36KT2	Tr ng Th Thanh Phúc	01/05/1994	3.0					4.0					3.7	1.9	4.0	2.0	3.8	
44	3642010292	36KT2	Ng» M Ph ng	21/01/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	3642012067	36KT2	Nguy n Th Sen	04/01/1985	8.0					6.0					6.7	3.4	2.0	1.0	4.3	
46	3642010471	36KT2	Huinh V H o ấ Tâm	05/09/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	3642012010	36KT2	Nguy n H u T n	29/01/1993	2.0					0.0					0.7	0.4	0.0	0.0	0.3	
48	3642010427	36KT2	L ² Th u Tiên	08/10/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	7.0	3.5	7.5	
49	3642012107	36KT2	Tr n Ng c Anh Tu n	25/09/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	3642010397	36KT2	V H Anh Tu n	03/01/1990	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
51	3642010514	36KT2	Nguy n Th Thu Tuy t	30/08/1994	9.0					6.0					7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
52	3642012023	36KT2	Lĩ Tr ng Thành	26/10/1994	3.0					2.0					2.3	1.2	5.0	2.5	3.7	
53	3642012108	36KT2	Nguy n Th B'ch Th o	02/04/1993	8.0					6.0					6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
54	3642012062	36KT2	Nguy n Th Thanh Th o	19/12/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	3642010358	36KT2	Tô Thanh Th o	16/05/1992	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
56	3642010483	36KT2	Nguy n Th Th m	21/11/1994	9.0					8.0					8.3	4.2	6.0	3.0	7.2	
57	3642012047	36KT2	Nguy n Th L Thi	13/08/1993	8.0					8.0					8.0	4.0	6.0	3.0	7.0	
58	3642012055	36KT2	V ¹ / ₂ Th Th m	30/11/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
59	3642012013	36KT2	V ấ VB Thu n	02/12/1994	1.0					0.0					0.3	0.2	0.0	0.0	0.2	
60	3642012112	36KT2	B ấi Th H ng Th y	12/12/1991	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301002 - K to n t@ch nh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
61	3642010428	36KT2	L ² Th Thu Th y	26/04/1994	7.0					6.0					6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
62	3642012027	36KT2	Nguy n Th Thu Th y	21/11/1994	5.0					6.0					5.7	2.9	4.0	2.0	4.8	
63	3642012053	36KT2	V ¹ / ₂ Th Thu Th y	09/10/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	3642010369	36KT2	ấ o Th Thúy	16/01/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
65	3642010110	36KT2	ấ o Th Anh Th	16/12/1992	6.0					3.0					4.0	2.0	3.0	1.5	3.5	
66	3642010534	36KT2	Nguy n Th Ki u Trang	28/07/1994	8.0					6.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
67	3642012083	36KT2	Nguy n Th Ng c Trang	05/04/1993	9.0					7.0					7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
68	3642011999	36KT2	Nguy n Th Thu Trang	04/12/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
69	3642012105	36KT2	Ph m Th Trang	16/06/1993	6.0					6.0					6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
70	3642010529	36KT2	Tr n Th Th y Trang	15/01/1994	9.0					8.0					8.3	4.2	8.0	4.0	8.2	
71	3642010350	36KT2	Tr n Th Thanh Trà	20/01/1994	9.0					5.0					6.3	3.2	3.0	1.5	4.7	
72	3642010400	36KT2	ấ inh Th Quinh Trâm	07/06/1994	3.0					3.0					3.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
73	3642010478	36KT2	Nguy n Th Th y Trinh	17/11/1994	6.0					5.0					5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
74	3642010371	36KT2	Mai Hi u Trung	06/10/1991	9.0					6.0					7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
75	3642010449	36KT2	Nguy n Th Thanh Trú c	01/05/1994	5.0					3.0					3.7	1.9	6.0	3.0	4.8	
76	3642012077	36KT2	V ¹ / ₂ Th Trú c	14/09/1994	9.0					8.0					8.3	4.2	8.0	4.0	8.2	
77	3642012099	36KT2	Phan Kim Vàng	02/06/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	7.0	3.5	7.3	
78	3642010326	36KT2	Ph m Th Th y Vy	13/08/1992	8.0					9.0					8.7	4.4	7.0	3.5	7.8	
79	3642010435	36KT2	Nguy n Th M Y n	26/11/1994	5.0					6.0					5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	

T ng s : 79 h c sinh sinh vi²n

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Tp.HCM, ngày / /

Gi" o V Khoa